

Số: 225/QĐ-PGD

An Lão, ngày 29 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ủy quyền cho các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
trực tiếp chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập
học kì I năm học 2019 - 2020**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP;

Căn cứ vào Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện An Lão về việc cấp hỗ trợ chi phí học tập học kì I năm học 2019 - 2020;

Căn cứ vào danh sách đề nghị của các đơn vị trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện về việc hỗ trợ chi phí học tập học kì I năm học 2019 - 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ủy quyền chi trả kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kì I năm học 2019 - 2020 cho Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS với tổng số tiền là : 118.000.000đ (Một trăm mười tám triệu đồng chẵn), chi tiết từng đơn vị có danh sách kèm theo.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

- Bộ phận phụ trách kế toán Phòng GD&ĐT có trách nhiệm chi kinh phí bằng tiền mặt cho các đơn vị trường Mầm non, Tiểu học, THCS (chi tiết số tiền theo Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện An Lão);

- Các đơn vị trường Mầm non, Tiểu học, THCS chịu trách nhiệm chi trả cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) các đối tượng được hưởng theo quy định hiện hành, lưu trữ hồ sơ theo quy định và quyết toán với Phòng GD&ĐT theo đúng thời gian.



Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu VT.

PHÒNG
GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO
H. AN LÃO T. PH. BÌNH

Đặng Thị Minh



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DANH SÁCH CHI TIỀN CHO CÁC ĐƠN VỊ MN, TH, THCS
CHI TRẢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Học kỳ I - Năm học 2019 - 2020

(Kèm theo QĐ số 225/QĐ-PGD ngày 29/10/2019)

TT	Đơn vị	Thuộc đối tượng			Tổng số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ/ tháng	Tổng số tiền hỗ trợ	Ký nhận (ghi rõ họ và tên người nhận)
		Tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước					
I	Cộng MN	2	1	39	42			16.800.000	
1	MN Bát Trang			4	4	4	100.000	1.600.000	
2	MN Trường Thọ		1	3	4	4	100.000	1.600.000	
3	MN Trường Thành			1	1	4	100.000	400.000	
4	MN an Tiến				0	4	100.000	0	
5	MN An Thắng			2	2	4	100.000	800.000	
6	MN Tân Dân			2	2	4	100.000	800.000	
7	MN Trường Sơn			2	2	4	100.000	800.000	
8	MN Thái Sơn 1			2	2	4	100.000	800.000	
9	MN Thái Sơn 2			2	2	4	100.000	800.000	
10	MN An Thái			1	1	4	100.000	400.000	
11	MN An Thọ				0	4	100.000	0	
12	MN Mỹ Đức			3	3	4	100.000	1.200.000	
13	MN Chiến Thắng			4	4	4	100.000	1.600.000	
14	MN Quốc Tuấn	1			1	4	100.000	400.000	
15	MN Tân Viên	1		7	8	4	100.000	3.200.000	
16	MN Quang Trung			3	3	4	100.000	1.200.000	
17	MN Quang Hưng			3	3	4	100.000	1.200.000	
18	MN Thị Trấn				0	4	100.000	0	
19	MN Sao Sáng				0	4	100.000	0	
II	Cộng Tiểu học	0	0	141	141	4	100.000	56.400.000	
20	TH Bát Trang			7	7	4	100.000	2.800.000	
21	TH Trường Thọ			11	11	4	100.000	4.400.000	
22	TH Trường Thành			2	2	4	100.000	800.000	
23	TH An Tiến			7	7	4	100.000	2.800.000	
24	TH Thị Trấn				0	4	100.000	0	
25	TH An Thắng			12	12	4	100.000	4.800.000	
26	TH Tân Dân			6	6	4	100.000	2.400.000	
27	TH Trường Sơn			5	5	4	100.000	2.000.000	
28	TH Áng Sơn			5	5	4	100.000	2.000.000	
29	TH Trần Tất Văn			4	4	4	100.000	1.600.000	



TT	Đơn vị	Thuộc đối tượng			Tổng số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng số tiền hỗ trợ	Ký nhận (ghi rõ họ và tên người nhận)
		Tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo	Mồ côi cha mẹ không nơi nương tựa	Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước					
30	TH Nguyễn Đốc Tín			8	8	4	100.000	3.200.000	
31	TH An Thọ			7	7	4	100.000	2.800.000	
32	TH Chiến Thắng			10	10	4	100.000	4.000.000	
33	TH Mỹ Đức 1			6	6	4	100.000	2.400.000	
34	TH Mỹ Đức 2			6	6	4	100.000	2.400.000	
35	TH Tân Viên			17	17	4	100.000	6.800.000	
36	TH Quốc Tuấn			11	11	4	100.000	4.400.000	
37	TH Quang Trung			11	11	4	100.000	4.400.000	
38	TH Quang Hưng			6	6	4	100.000	2.400.000	
III	Cộng THCS	0	0	112	112	4	100.000	44.800.000	
39	THCS Bát Trang			5	5	4	100.000	2.000.000	
40	THCS Trường Thọ			6	6	4	100.000	2.400.000	
41	THCS Trường Thành			4	4	4	100.000	1.600.000	
42	THCS An Tiến			5	5	4	100.000	2.000.000	
43	THCS L.K. Thiện			3	3	4	100.000	1.200.000	
44	THCS An Thắng			7	7	4	100.000	2.800.000	
45	THCS Tân Dân			6	6	4	100.000	2.400.000	
46	THCS Trường Sơn			10	10	4	100.000	4.000.000	
47	THCS Thái Sơn			8	8	4	100.000	3.200.000	
48	THCS Ng.C. Mỹ			10	10	4	100.000	4.000.000	
49	THCS Lê Khắc Cần			4	4	4	100.000	1.600.000	
50	THCS Chiến Thắng			8	8	4	100.000	3.200.000	
51	THCS Mỹ Đức			6	6	4	100.000	2.400.000	
52	THCS Tân Viên			10	10	4	100.000	4.000.000	
53	THCS Quốc Tuấn			11	11	4	100.000	4.400.000	
54	THCS Quang Trung			7	7	4	100.000	2.800.000	
55	THCS Quang Hưng			2	2	4	100.000	800.000	
	Tổng Cộng	2	1	292	295	4		118.000.000	



Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng